TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **51**/2025/DS-ST
Ngày: 29-4-2025
V/v tranh chấp về hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Phúc.

Bà Đàm Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Trâm Anh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 207/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 28/2025/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 3 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức Hùng D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1970 (Vắng mặt) hoặc ông Lưu Trần S, sinh năm 1994 (Có mặt tham gia phiên tòa, vắng mặt lúc tuyên án); Cùng địa chỉ: Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Giấy ủy quyền số chứng thực 99, quyển số 04-SCT/CK, CĐ lập ngày 10/6/2022 tại Văn phòng Công chứng Hoàng Long, tỉnh Đồng Nai).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Cao Đức N, sinh năm 1949 (Vắng mặt), Luật sư Văn phòng Luật sư TNHH Cao Đức Nhuận

– Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai, địa chỉ: Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư định cư toàn cầu E.

Địa chỉ trụ sở chính: Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H (Vắng mặt) hoặc bà Ngô Thị L, sinh năm 2000 (Có mặt), Địa chỉ: Phường 9, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 25 tháng 7 năm 2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Vân A, sinh năm 1988 (Có mặt) – Luật sư Văn phòng Luật sư NB – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ liên hệ: Phường 9, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Năm 2020, ông Nguyễn Đức Hùng D có ý định muốn định cư tại Canada nên có tìm kiếm các công ty dịch vụ tư vấn định cư nước ngoài, trong đó có Công ty TNHH Tư vấn đầu tư định cư toàn cầu E (sau đây gọi tắt là "Công ty E"). Sau khi được nhân viên Công ty E tư vấn, xem xét hồ sơ cá nhân của ông D và hứa hẹn rằng có thể tìm được một công việc đúng chuyên môn IT nên ngày 04 tháng 12 năm 2020, ông D và công ty đã ký kết Hợp đồng số 04122020/AIPP và phụ lục hợp đồng kèm theo. Tổng giá trị khi tham gia chương trình được ghi trong Hợp đồng là 1.857.600.000 đồng, trong đó, ông D đã thanh toán đợt 1 cho phía Công ty E số tiền 696.600.000 đồng vào ngày 12 tháng 12 năm 2020 theo quy định của hợp đồng.

Tuy nhiên, kể từ khi ký hợp đồng trên đến tháng 6 năm 2021, Công ty E đã không tìm được công việc nào phù hợp với chuyên môn IT của ông D như đã hứa hẹn, nên ngày 07 tháng 6 năm 2021, ông D đã yêu cầu Công ty E hoàn trả lại số tiền 696.600.000 đồng theo thỏa thuận trong Hợp đồng số 04122020/AIPP tại Điều 5.1.1, tuy nhiên, công ty lại viện dẫn lý do họ đã đưa các công việc khác cho ông D vào tháng 4 năm 2021 để từ chối hoàn trả tiền, cụ thể là công việc sales/admin kèm yêu cầu phải đáp ứng có Hợp đồng lao động, Bảo hiểm xã hội (đóng lùi khoảng 1,5 năm), thậm chí là mua lại cửa hàng, công ty v.v.... và nếu không muốn thực hiện các yêu cầu trên thì chọn những công việc như hái táo, nấm, làm thuyền cua... Rõ ràng các công việc mà EU Immi đưa ra thay thế cho công việc IT mà ông D luôn mong muốn làm, có đủ kinh nghiệm để làm và đã tư vấn, hứa hẹn lúc chưa ký hợp đồng là đánh đố khách hàng. Mặt khác, các công việc đó hoàn toàn không phù hợp với bản chất của chương trình AIPP mà

ông D được tư vấn tham gia. Vì theo Điều 1 Hợp đồng số 04122020/AIPP thì chương trình AIPP là "*chương trình thí điểm định cư Đại Tây Dương nhằm tạo điều kiện cho công dân quốc tế, đặc biệt là đối tượng lao động có tay nghề có cơ hội định cư ....*". Không chấp nhận lí do phi lý của Công ty E, nên ông D tiếp tục yêu cầu công ty hoàn trả tiền thì nhân viên công ty đã gửi mail và đưa ra 02 giải pháp như sau: Bảo lưu Phí dịch vụ trong thời gian 2 năm; Giới thiệu cho Công ty E 01 khách hàng mới đi Chương trình AIPP thay ông D và nếu thành công thì sẽ được hoàn 70% phí đã đóng. Có thể thấy cả 2 giải pháp trên của Công ty E là nhằm trốn tránh nghĩa vụ hoàn trả tiền cho ông D theo Hợp đồng số 04122020/AIPP. Trong đó, còn có dấu hiệu của hành vi kinh doanh đa cấp mà các phương tiện thông tin đại chúng thời gian qua đã nghiêm khắc lên án. Vì lý do trên, ông D đã không đồng ý thực hiện cả hai giải pháp mà Công ty E đưa ra. Ngoài ra, sau khi tìm hiểu thông tin về Công ty E thì ông được biết là công ty này không được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cấp giấy phép trong lĩnh vực hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Như vậy, việc Công ty E tư vấn, ký kết hợp đồng, nhận tiền của ông D để thực hiện các thủ tục trong chương trình làm việc định cư tại Canada (AIPP) là vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành.

Cho tới thời điểm hiện tại, Công ty E vẫn không hoàn trả số tiền mà ông D đã thanh toán đợt 1 theo nội dung tại Điều 5.1.1, Hợp đồng số 04122020/AIPP. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp của bản thân, nên nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết những yêu cầu sau:

- Tuyên bố Hợp đồng số: 04122020/AIPP được ký ngày 04/12/2020 giữa ông Nguyễn Đức Hùng D và Công ty TNHH Tư vấn đầu tư định cư toàn cầu E vô hiệu toàn bộ.

- Buộc Công ty TNHH Tư vấn đầu tư định cư toàn cầu E hoàn trả số tiền 696.600.000 đồng cho ông Nguyễn Đức Hùng D.

Trường hợp hòa giải, nguyên đơn đề nghị bị đơn thanh toán một lần 60% số tiền đã nhận tương đương 417.960.000 đồng ở bất kỳ thời điểm nào trong vòng 30 ngày vào tài khoản do nguyên đơn chỉ định. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được tiền, ông D có trách nhiệm nộp đơn xin rút yêu cầu khởi kiện cho Tòa án. Trường hợp bị đơn không đồng ý với phương án trên, đề nghị Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020, Công ty TNHH Tư vấn đầu tư định cư toàn cầu E (sau đây gọi tắt là "Công ty") cùng với ông Nguyễn Đức Hùng D ký kết Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 04122020/AIPP (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng"), với nội dung:

Phạm vi hợp đồng: Công ty chịu trách nhiệm làm việc chặt chẽ, kết hợp với đối tác/ luật sư / những chuyên gia tư vấn ở nước ngoài nhằm cung cấp chính xác tất cả các thông tin có liên quan chương trình. Công ty sẽ tư vấn và hướng khách hàng chuẩn bị các thủ tục và dịch vụ cần thiết theo các tiêu chuẩn tuyển chọn của Chính phủ Canada đối với hồ sơ tham gia chương trình thí điểm định cư Đại Tây Dương.

Nội dung công việc bao gồm: Thủ tục xin thị thực định cư Canada theo chương trình AIPP; Đại diện khách hàng liên lạc với các đối tác/ luật sư/những chuyên gia tư vấn ở nước ngoài tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của Luật Di trú Canada; Thực hiện thủ tục xin Giấy xác nhận chỉ định từ Tỉnh bang; Tìm kiếm nhà tuyển dụng. Tổng phí dịch vụ là: 1.857.600.000 đồng, chia làm 4 đợt thanh toán theo tiến độ công việc được quy định cụ thể tại Điều 3.1 của Hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông D đã thanh toán đợt 1 là 696.600.000 đồng. Về phía Công ty đã đưa ra các lựa chọn về công việc cho khách hàng nhưng phía ông D không đưa ra quyết định, vẫn chần chừ và xin thêm thời gian suy nghĩ.

Nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện: "Tuyên bố Hợp đồng số 04122020/AIPP được ký ngày 04/12/2020 giữa tôi và Công ty TNHH Tư vấn đầu tư định cư toàn cầu E vô hiệu toàn bộ". Bị đơn trình bày ý kiến phản bác như sau:

Căn cứ Điều 122 Bộ Luật dân sự 2015 quy định về "Giao dịch dân sự vô hiệu", Điều 117 Bộ Luật dân sự 2015 quy định về "Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự" thì:

Về năng lực chủ thể tham gia ký hợp đồng: ông Nguyễn Đức Hùng D là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự để tham gia ký kết hợp đồng dịch vụ với Công ty EU IMMU. Về phía Công ty E, bà Bàn Thị Thiên Nga là giám đốc Công ty đồng thời là Người đại diện theo pháp luật của Công ty, vì vậy bà Nga hoàn toàn có đủ thẩm quyền để tham gia ký kết các hợp đồng thuộc phạm vi kinh doanh của Công ty.

Về ý chí tự nguyện của các bên: ông Nguyễn Đức Hùng D và Công ty E giao kết hợp đồng dựa trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, không có bất kỳ sự bắt buộc hay cưỡng ép nào từ phía Công ty E.

Về mục đích và nội dung của hợp đồng: Tất cả nội dung công việc được

quy định tại Điều 2 của hợp đồng đều không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Về hình thức hợp đồng: Hợp đồng dịch vụ được lập thành văn bản và có chữ ký của cả hai bên là ông D và đại diện theo pháp luật Công ty E - bà Bàn Thị Thiên Nga.

Như vậy, Hợp đồng dịch vụ số 04122020/AIPP ngày 04 tháng 12 năm 2020 đáp ứng đầy đủ toàn bộ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự được quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự 2015.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tuyên hợp đồng vô hiệu toàn bộ là hoàn toàn không có căn cứ pháp lý. Đồng thời, nguyên đơn đưa ra yêu cầu khởi kiện tuyên hợp đồng vô hiệu toàn bộ nhưng lại không nêu ra lý do dẫn đến Hợp đồng vô hiệu toàn bộ (Điều 123 đến Điều 129 Bộ Luật Dân sự 2015).

Ngoài ra, nguyên đơn còn có yêu cầu khởi kiện "Buộc Công ty TNHH Tư vấn đầu tư định cư toàn cầu E hoàn trả số tiền 696.600.000 đồng cho tôi". Bị đơn có ý kiến phản bác như sau:

Nguyên đơn không thuộc trường hợp được hoàn trả phí dịch vụ được nêu tại khoản 5.1 Điều 5 (trang 12) của Hợp đồng. Do đó, yêu cầu buộc bị đơn hoàn trả tiền cho nguyên đơn là hoàn toàn không có cơ sở pháp lý.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn cho rằng nguyên đơn thuộc trường hợp tại khoản 5.1.1 Điều 5 của Hợp đồng để yêu cầu hoàn tiền, là không đúng với sự thật khách quan, và thỏa thuận của các bên. Bởi lẽ:

Lần thứ nhất: Bị đơn đã tư vấn về "việc làm được chỉ định" là vào ngày 22/04/2021. Tại vi bằng lập ngày 12 tháng 12 năm 2022 (trang 17) thể hiện Công ty E thông tin công việc: "Retail Store Supervisor – NOC 6211", thế nhưng nguyên đơn đã trả lời rằng "cám ơn chị đã gợi ý nhưng em thấy công việc này chưa phù hợp với kinh nghiệm thực tế và chưa có công ty nào em nhờ chịu hỗ trợ về chứng minh kinh nghiệm + đóng bảo hiểm" (Trang 19 của vi bằng).

Lần thứ hai: Bị đơn đã tư vấn về "việc làm được chỉ định" là vào ngày 22/06/2021. Tại vi bằng lập ngày 12 tháng 12 năm 2022 (trang 12,13,14) thể hiện Công ty E thông tin hai công việc. Thế nhưng ngày 30/06/2021, ông D lại cố ý kéo dài thời gian bằng việc trả lời : "Dạ job farm em chưa chốt. E cám ơn chị nha" (Trang 15 vi bằng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bất kỳ thời điểm nào bị đơn tư vấn về "việc làm được chỉ định" thì nguyên đơn không những từ chối mà còn chần chừ khiến thời gian kéo dài. Điều này thể hiện thông qua các tin nhắn của nguyên đơn đã được bị đơn lập vi bằng ngày 12 tháng 12 năm 2022, được thể hiện cụ thể tại trang 19, trang 20 như: "Dạ, em cảm ơn chị, em và gia đình đang trong

quá trình thống nhất lại cách xử lý vấn đề này. Em sẽ liên hệ chị sau nhé"; "em cám ơn chị và EU immi thành công và phát triển. Em cũng đang chờ bên nhà em xử lý 1 số việc nên có thông tin em sẽ báo chị ạ".

Trong giai đoạn năm 2020 – 2021, vì ảnh hưởng của dịch bệnh covid, tại CANADA đã nhiều lần ban bố tình trạng khẩn cấp và hạn chế đi lại. Công ty E cung cấp các bản dịch thể hiện cơ quan có thẩm quyền và chính phủ của CANADA đã đưa ra "các hạn chế về sức khỏe cộng đồng". Điều này lý giải cho việc trong khoản thời gian này việc thông tin về "việc làm được chỉ định" có sự khó khăn, nhưng Công ty E vẫn luôn nỗ lực để đưa đến các thông tin "việc làm được chỉ định" theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng. Khoản thời gian mà cơ quan có thẩm quyền CANADA hạn chế vì dịch bệnh Covid, cần thiết phải được xem như trường hợp bất khả kháng tại Điều 8 của Hợp đồng.

Như đã trình bày ở trên, nguyên đơn liên tiếp từ chối các "việc làm được chỉ định" mà phía bị đơn đã thông tin và tư vấn, đồng thời trì hoãn việc nhận công việc nhằm kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng. Do đó, nguyên đơn hoàn toàn không thuộc trường hợp được quy định tại khoản 5.1.1 Điều 5 của Hợp đồng để được hoàn tiền.

Tại bản khai ngày 08 tháng 01 năm 2024, bị đơn trình bày bổ sung: Công ty E có "đủ điều kiện, năng lực" để thực hiện nội dung hợp đồng bởi:

Thứ nhất, Công ty E là doanh nghiệp được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam. Điều 27 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: "1. Doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh; b) Tên của doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định tại các điều 37, 38, 39 và 41 của Luật này; c) Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ; d) Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí". Điều 7 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: 1. Tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm. 2. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh". Ngày 03 tháng 5 năm 2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu cho Công ty E, mã số doanh nghiệp: 0315655296. Căn cứ vào cơ sở pháp lý nêu trên, Công ty E đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định pháp luật về thành lập doanh nghiệp, là doanh nghiệp được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam. Do đó, Công ty E có quyền tự do kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật không cấm.

Thứ hai, Công ty E có đăng ký ngành, nghề kinh doanh theo quy định pháp luật. Điều 7 Nghị định số: 01/2021/NĐ-CP quy định:

“Điều 7. Ghi ngành, nghề kinh doanh

1. Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, khi thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh hoặc khi đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh trong Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh hướng dẫn, đối chiếu và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Nội dung cụ thể của ngành kinh tế cấp bốn quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam”.

Thực hiện theo đúng quy định pháp luật doanh nghiệp, Công ty E đã thực hiện đăng ký tổng 17 ngành, nghề kinh doanh cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Nội dung đăng ký ngành, nghề kinh doanh của Công ty E đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận và đã được công bố công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Theo đó, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty E đã đăng ký và hoạt động là: mã ngành 6619 – Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu.

Căn cứ Quyết định Số: 27/2018/QĐ-TTg ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam quy định như sau:“619-66190: Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu.

Nhóm này gồm: Các hoạt động trợ giúp cho trung gian tài chính chưa được phân vào đâu:

- Các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính, bao gồm giao dịch thẻ tín dụng;

- Hoạt động tư vấn đầu tư;

- Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp.

Nhóm này cũng gồm: Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng”.

Thông qua Hợp đồng, nguyên đơn uỷ thác cho Công ty E và Công ty bằng kinh nghiệm và trình độ chuyên môn về Tiếng anh của mình tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ anh Dũng đáp ứng các điều kiện của Chính Phủ Canada.

Dịch vụ của Công ty E cung cấp cho nguyên đơn là dịch vụ: tư vấn, hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ nhằm hỗ trợ khách hàng đáp ứng các điều kiện theo chương

trình cho phép người nước ngoài đến Canada định cư.

Dựa vào năng lực và kinh nghiệm chuyên môn của mình, Công ty E chịu trách nhiệm làm việc chặt chẽ, kết hợp với các đối tác, chuyên gia tư vấn nhằm cung cấp chính xác tất cả các thông tin có liên quan đến chương trình cho khách hàng. Việc Công ty E tư vấn, tìm kiếm và cung cấp thông tin phù hợp với Khách Hàng, hướng dẫn Khách Hàng chuẩn bị hồ sơ, hỗ trợ khách hàng trong việc liên hệ, nộp và thực hiện các thủ tục liên quan nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Công ty E chỉ tư vấn, hỗ trợ chính và chính Khách Hàng mới là người tự dựa vào năng lực của mình để đạt tới mục đích cuối cùng là định cư tại CANADA.

Công ty E đã nộp Phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp thể hiện thông tin ngành nghề kinh doanh của Công ty E được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp đến Tòa án.

Thứ ba, Công ty E có trụ sở hoạt động, có năng lực tài chính, có đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn để cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

"Điều 4. Giải thích từ ngữ …

10. Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh".

Điều 42 Luật doanh nghiệp 2020 quy định:

"Điều 42. Trụ sở chính của doanh nghiệp

Trụ sở chính của doanh nghiệp đặt trên lãnh thổ Việt Nam, là địa chỉ liên lạc của doanh nghiệp và được xác định theo địa giới đơn vị hành chính; có số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có)".

Hiện, Công ty E có trụ sở chính tại địa chỉ: Tầng 11, Citilight Tower, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty E đã tiến hành đăng ký địa chỉ trụ sở chính với cơ quan đăng ký kinh doanh và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận. Công ty E hoạt động kinh doanh và thực hiện việc liên lạc, giao dịch của Công ty với các bên có liên quan tại trụ sở. Công ty E đã nộp bản sao y chứng thực Hợp đồng thuê văn phòng số 39/HĐ-QLVP ngày 15/11/2021; bản sao y chứng thực Phụ lục số 1 số 39/HĐ-QLVP ngày 02/10/2023 đến Tòa án.

Khoản 34 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: "Vốn điều lệ là tổng giá trị tài sản do các thành viên công ty, chủ sở hữu công ty đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần".

Hiện, Công ty E có vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng. Vốn điều lệ có ý nghĩa rất quan trọng: thể hiện năng lực tài chính ban đầu của công ty và mức độ cam kết của thành viên là chủ sở hữu Công ty đối với hoạt động kinh doanh của Công ty E. Vốn điều lệ cũng là một yếu tố quan trọng trong việc đánh giá giá trị của Công ty E.

Công ty E do bà Bàn Thị Thiên Nga là đại diện theo pháp luật. Bà Nga là người trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty. Bà Nga có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực quản lý, tài chính; có trình độ ngoại ngữ, có kinh nghiệm - kiến thức - quan hệ liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh được tích luỹ qua nhiều năm.

Căn cứ vào toàn bộ lời trình bày trên đây, nhận thấy Công ty TNHH Tư vấn đầu tư định cư toàn cầu E có đủ điều kiện, năng lực thực hiện nội dung hợp đồng dịch vụ tư vấn số 04122020/AIPP ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa Công ty TNHH Tư vấn đầu tư định cư toàn cầu E và ông Nguyễn Đức Hùng D theo quy định của pháp luật Việt Nam. Bị đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu ông D phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 04122020/AIPP được ký ngày 04 tháng 12 năm 2020 theo đúng những gì các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng. Đối với đề nghị hòa giải của nguyên đơn: Bị đơn không đồng ý với đề nghị hòa giải của nguyên đơn, bị đơn đưa ra ý kiến hòa giải: Thanh toán cho nguyên đơn 50% số tiến nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn theo hợp đồng trong vòng 90 ngày.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trước đây và xác định rõ yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng dịch vụ tư vấn số: 04122020/AIPP ngày 04 tháng 12 năm 2020 vô hiệu toàn bộ là bao gồm cả phụ lục hợp đồng kèm theo Hợp đồng dịch vụ tư vấn số: 04122020/AIPP vô hiệu. Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền mà bị đơn đã nhận là 696.600.000 đồng cho nguyên đơn, không yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại. Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Nguyên đơn xác định toàn bộ những tin nhắn, hình ảnh, cuộc gọi giữa nguyên đơn và bị đơn tại Vi bằng số: 4830/2022/VB-TPLQ8 là đúng sự thật.

Nguyên đơn tranh luận:

- Theo Điều 2 của Hợp đồng dịch vụ tư vấn số: 04122020/AIPP, bị đơn chịu trách nhiệm làm việc chặt chẽ, kết hợp với các đối tác/Luật sư/những chuyên gia tư vấn ở nước ngoài nhằm cung cấp chính xác tất cả thông tin liên quan đến chương trình thí điểm định cư Đại Tây Dương (AIPP), đồng thời, công ty sẽ tư vấn và hướng dẫn nguyên đơn chuẩn bị các thủ tục và dịch vụ cần thiết để tham gia chương trình. Về chương trình AIPP, đây là chương trình của Chính

phủ Canada đã được sửa đổi là AIP, mục đích của chương trình là mang đến cơ hội cho những ứng viên có tay nghề cao đến Canada để làm việc dài hạn bằng hình thức ký kết hợp đồng lao động với một doanh nghiệp hoặc tổ chức của nước sở tại rồi từ đó đủ điều kiện để được cấp thị thực định cư tại Canada.

Khi tìm hiểu kỹ thông tin về chương trình AIP tại website chính thức của Chính phủ Canada thì điều kiện để các ứng viên tham gia phải có trình độ, kiến thức chuyên môn khá cao chứ không hề đơn giản như những gì nhân viên Công ty E tư vấn cho ông D ban đầu trước khi ký kết hợp đồng, chẳng hạn như ứng viên muốn tham gia chương trình AIP phải đáp ứng được tất cả các điều kiện nhất định như: 1/ Có kinh nghiệm làm việc đủ tiêu chuẩn, trừ khi ứng viên là sinh viên quốc tế tốt nghiệp từ một tổ chức sau trung học được công nhận ở Đại Tây Dương Canda. 2/ Đáp ứng bằng hoặc hơn về trình độ giáo dục. 3/ Đáp ứng bằng hoặc hơn về trình độ ngoại ngữ. 4/ Chứng minh đủ tài chính để nuôi bản thân và gia đình khi ứng viên tới Canada (trừ trường hợp ứng viên đã sống và làm việc ở Canada với giấy phép lao động hợp lệ). Đối với điều kiện 1 thì để chứng minh kinh nghiệm làm việc thì ứng viên phải làm việc ít nhất 1560 giờ trong 05 năm gần nhất, số giờ này chỉ được tính khi làm việc được trả lương. Ngoài ra, công việc ứng viên đã làm phải thuộc một trong bốn cấp độ kỹ năng "Phân loại nghề nghiệp quốc gia" của Canada gồm: Kỹ năng NOC loại 0 (các công việc quản lý nhà hàng, quản lý mỏ); Kỹ năng NOC loại A (các công việc chuyên môn thường cần bằng cấp của trường đại học, chẳng hạn như bác sĩ, nha sĩ, kiến trúc sư); Kỹ năng NOC loại B (các công việc kỹ thuật và các nghề có tay cao như đầu bếp, thợ điện, thợ ống nước); Kỹ năng NOC loại C (các công việc trung cấp thường yêu cầu đào tạo trung học và/hoặc đào tạo theo công việc cụ thể, chẳng hạn như bán thịt công nghiệp, tài xế xe tải đường dài, máy chủ thực phẩm và đồ uống). Còn đối với điều kiện 2, nếu ứng viên nhận được lời mời làm việc ở cấp độ kỹ năng NOC 0 hoặc A, thì phải có chứng chỉ giáo dục sau trung học 01 năm của Canada trở lên hoặc tương đương bên ngoài Canada; nếu ứng viên nhận được lời mời làm việc ở cấp độ kỹ năng NOC B hoặc C thì phải có bằng tốt nghiệp trung học của Canada hoặc tương đương bên ngoài Canada. Tuy nhiên, nếu ứng viên học bên ngoài Canada, thì cần đánh giá chứng chỉ giáo dục để xác nhận rằng trình độ học vấn của ứng viên bằng hoặc cao hơn trình độ học vấn cần thiết cho lời mời làm việc. Từ đó, để tham gia chương trình AIP thì người tham gia phải đáp ứng được trình độ học vấn và có kinh nghiệm làm việc phù hợp. Như vậy, nội dung chính của Hợp đồng dịch vụ tư vấn số: 04122020/AIPP là xoau quanh vấn đề làm thế nào để khách hàng đủ điều kiện làm việc theo hợp đồng lao động tại Canada theo chương trình chính thức của Chính phủ.

Theo khoản 2 Điều 9 của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở

nước ngoài: Tìm hiểu, phát triển thị trường lao động ở nước ngoài, cung cấp thông tin, quảng cáo, tư vấn về cơ hội việc làm ở nước ngoài. Khoản 1 Điều 9: ký kết và thực hiện hợp đồng, thỏa thuận liên quan đến việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Đại diện bị đơn trình bày ngành nghề kinh doanh mã số 6619 là không phù hợp với nội dung của Hợp đồng dịch vụ tư vấn đã ký giữa nguyên đơn và bị đơn, mà nguyên đơn nhận thấy ngành nghề kinh doanh số 7810: Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm mà bị đơn đã đăng ký, là phù hợp hơn với nội dung của Hợp đồng dịch vụ tư vấn. Đối với hoạt động đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động còn phải chịu sự điều chỉnh của pháp luật chuyên ngành, cụ thể là Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Đây là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, điều kiện cần là đăng ký kinh doanh ngành nghề theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nhưng còn điều kiện đủ là phải có giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cấp, tuy nhiên bị đơn không được cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm, bị đơn không đáp ứng được điều kiện về năng lực chủ thể pháp luật được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 117 của Bộ luật Dân sự. Ngoài ra, tại khoản 5 Điều 7 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động có quy định về trường hợp nghiêm cấm hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng mà không có giấy phép. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 117, Điều 122 của Bộ luật Dân sự, Hợp đồng dịch vụ tư vấn giữa nguyên đơn và bị đơn vô hiệu, nên theo Điều 131 của Bộ luật Dân sự về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu, nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền đã nhận là 696.600.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu bồi thường thiệt hại vì nguyên đơn cũng hiểu và thông cảm cho nguyên đơn.

- Đối đáp tranh luận với bị đơn, theo Điều 36 Luật Việc làm, khoản 4 Điều 3 Nghị định 98/2020/NĐ-CP thì Hợp đồng dịch vụ tư vấn còn vi phạm điều cấm của pháp luật vì không được đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng mà không có giấy phép. Về tố tụng, tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 26 tháng 3 năm 2025, nguyên đơn đã có đơn xin hoãn phiên tòa và gửi qua đường bưu điện cho Tòa án, nguyên đơn không tự ý vắng mặt mà không có lý do, nên nguyên đơn không đồng ý việc bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án với lý do nguyên đơn được triệu tập hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt.

Bị đơn không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn xác định Hợp đồng dịch vụ tư vấn số: 04122020/AIPP, Phụ lục hợp

đồng số: 04122020/AIPP ngày 04 tháng 12 năm 2020 có hiệu lực pháp luật, nên trường hợp giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bị đơn không có yêu cầu bồi thường thiệt hại, còn đối với khối lượng công việc mà bị đơn đã thực hiện cho nguyên đơn thì vấn đề đặt ra là sẽ giải quyết như thế nào.

Bị đơn xác định giữa nguyên đơn và bị đơn không có bảng tiến độ công việc do nguyên đơn chỉ thanh toán đợt 1 xong là đã ngừng thanh toán, sau đó hai bên không tiếp tục tiến hành thực hiện nữa. Đối với số tiền 696.600.000 đồng mà nguyên đơn đã đóng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày bị đơn dùng để chi trả vào chi phí thuê mặt bằng, kinh doanh, tìm kiếm thông tin trên trang web của Chính phủ Canada; bị đơn chưa thể cung cấp được hóa đơn, chứng từ liên quan đến số tiền dùng để chi trả cho các đối tác, luật sư tư vấn vì liên quan đến điều khoản bảo mật khiến bị đơn e ngại.

Đối với nội dung dịch vụ bị đơn cung cấp cho nguyên đơn theo Điều 1 và Điều 4 Hợp đồng, bị đơn giải thích một cách tường tận, rõ ràng như sau:

Căn cứ theo nội dung hợp đồng đã ký kết với nguyên đơn, bị đơn thực hiện các công việc như sau: Tư vấn và hướng dẫn nguyên như đơn về điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình theo chương trình AIPP (Atlantic Immigration Pilot Program); Hỗ trợ, hướng dẫn nguyên đơn chuẩn bị các hồ sơ tài chính, nhân thân, lý lịch tư pháp, hồ sơ nghề nghiệp, và các tài liệu khác để nộp cho cơ quan chức năng Canada; Kết nối và phối hợp với luật sư, chuyên gia tư vấn nước ngoài nhằm đảm bảo hồ sơ của nguyên đơn được hoàn thiện đúng quy định; Thường xuyên cập nhật tiến độ hồ sơ, cung cấp thông tin, và chuyển giao các văn bản do cơ quan nước ngoài cấp lại cho nguyên đơn.

Phạm vi công việc và nghĩa vụ bị đơn theo Hợp đồng hoàn toàn phù hợp với mã ngành 6619 mà bị đơn đã đăng ký: Tư vấn đầu tư: bị đơn thực hiện tư vấn kế hoạch định cư, đầu tư tiền cá nhân để chuẩn bị cho hồ sơ nộp đơn (chẳng hạn như việc chứng minh tài sản hoặc các khoản đầu tư cần thiết). – phù hợp hoàn toàn với phạm vi "tư vấn đầu tư"; Dịch vụ ủy thác, giám sát theo hợp đồng: bị đơn ký hợp đồng, thu phí dịch vụ, nguyên đơn ủy thác cho bị đơn, phối hợp với các đối tác, luật sư để giám sát và đảm bảo rằng hồ sơ của nguyên đơn được hoàn thiện và tuân thủ đúng các yêu cầu của chương trình di trú Canada.– phù hợp với dịch vụ ủy thác trên cơ sở phí và hợp đồng; Hoạt động hỗ trợ tài chính: bao gồm hướng dẫn khách hàng chuẩn bị các minh chứng tài chính, tài sản– là một phần quan trọng của hồ sơ định cư.

Bị đơn liệt kê một số công việc bị đơn làm theo thỏa thuận hợp đồng cho nguyên đơn như sau:

1. Tư vấn kiến thức và điều kiện chương trình AIPP Canada

- Giới thiệu tổng quan về chương trình, quyền lợi, điều kiện tham gia.

- Giải thích tiêu chí về học vấn, kinh nghiệm, ngoại ngữ, tài chính.

2. Tư vấn và hướng dẫn thẩm định bằng cấp (WES)

- Gửi chi tiết 11 bước thẩm định WES qua email.

- Hướng dẫn công chứng, dịch thuật văn bằng.

- Theo dõi tiến trình và kết quả thẩm định.

3. Soạn thảo và thực hiện hợp đồng dịch vụ

- Soạn hợp đồng và phụ lục, in ấn và tổ chức ký kết.

- Thuê phòng họp đón tiếp khách hàng.

4. Hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ cá nhân và gia đình

- Yêu cầu khách hàng cung cấp các giấy tờ liên quan đến:

+ Kinh nghiệm làm việc.

+ Nhân thân và các thành viên phụ thuộc.

+ Đội ngũ chuyên viên 4 người của EU IMMI trực tiếp hỗ trợ

- Họp cùng luật sư và chuyên gia để định hướng xử lý hồ sơ.

5. Tư vấn chuẩn bị hồ sơ ứng tuyển

- Biên tập, dịch sơ yếu lý lịch sang tiếng Anh.

- Họp online với đối tác trái múi giờ, chi trả lương ngoài giờ cho nhân sự.

- Động viên khách hàng ôn luyện và thi IELTS.

6. Thu thập, xử lý hồ sơ hành chính

- Hướng dẫn điền form, thu thập tài liệu (lịch sử di trú, lịch sử công việc, thông tin vợ/chồng…).

- Scan, lưu trữ trên hệ thống quản lý dữ liệu trả phí của công ty.

7. Xử lý khủng hoảng do COVID-19

- Làm việc với đối tác quốc tế để tìm giải pháp thay thế khi điều kiện thay đổi.

- Động viên, đồng hành cùng khách hàng tìm phương án mới khi hồ sơ gặp khó khăn.

Bị đơn khẳng định rằng các nội dung công việc được thực hiện theo hợp đồng ký kết với nguyên đơn không phải là hoạt động "giới thiệu việc làm", "tuyển dụng lao động", hay "cung ứng lao động" theo quy định tại Luật Việc làm. Bị đơn không thay mặt bất kỳ người sử dụng lao động nào để tuyển dụng, ký hợp đồng lao động, hoặc phân phối lao động. Thay vào đó, bị đơn cung cấp

dịch vụ tư vấn, hỗ trợ xử lý hồ sơ, cung cấp thông tin liên quan đến chương trình di trú AIPP của Chính phủ Canada.

Về Điều 5 – Chính sách hoàn trả: chỉ áp dụng trong các trường hợp khách quan, không thể suy diễn thành nghĩa vụ "tìm việc làm". Điều 5.1.1 nêu: "Trường hợp Bên B không thể tìm được việc làm được chỉ định cho Bên A trong vòng 6 tháng kể từ khi hoàn tất phí đợt 1... thì hoàn trả...". Tuy nhiên, cần hiểu rõ rằng: Đây không phải là một cam kết nghĩa vụ "phải tìm việc làm", mà chỉ là chính sách hỗ trợ khách hàng khi xảy ra tình huống khách quan ngoài tầm kiểm soát (hồ sơ khách hàng không đạt yêu cầu, ảnh hưởng dịch bệnh v.v.); Việc hoàn trả là giải pháp hỗ trợ, thể hiện thiện chí từ phía công ty khi hồ sơ không đạt kết quả kỳ vọng, không phải là cơ sở để suy diễn rằng bị đơn hoạt động dịch vụ việc làm hay có nghĩa vụ tìm việc làm. Không có điều khoản nào trong hợp đồng xác định việc "giới thiệu việc làm" là nghĩa vụ bắt buộc hay cam kết kết quả từ phía bị đơn. Công ty chỉ đóng vai trò hỗ trợ hành chính và định hướng hồ sơ theo quy trình định cư.

Bị đơn không thực hiện các công việc như: Giới thiệu việc làm, môi giới lao động, cung ứng nhân lực, hay tuyển dụng theo yêu cầu của người sử dụng lao động. Các nội dung này không xuất hiện trong hợp đồng, không được tính phí riêng, và không phải là mục tiêu hoạt động của bị đơn. Bị đơn chỉ hỗ trợ khách hàng hoàn thiện hồ sơ, không đại diện cho nhà tuyển dụng, không cam kết tìm được việc làm, và không thu phí cho bất kỳ đầu việc nào thuộc về "dịch vụ việc làm" theo luật Việt Nam. Khoản này không phải nghĩa vụ pháp lý, mà là chính sách hỗ trợ khách hàng trong trường hợp khách quan, nếu hồ sơ không thể tiến triển.

Theo khoản 21 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020, "kinh doanh" được hiểu là: "Việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi." Đối chiếu với hoạt động của Bị đơn: Phạm vi công việc của Bị đơn được xác lập rõ tại Điều 4 của Hợp đồng, trong đó chỉ rõ các nội dung: Hướng dẫn thủ tục thẩm định bằng cấp, lý lịch; Tư vấn hồ sơ, hỗ trợ chuẩn bị các giấy tờ cần thiết để tham gia chương trình định cư Canada AIPP; Phối hợp với đối tác (luật sư/tư vấn định cư) ở nước ngoài về mặt hồ sơ; Hướng dẫn khách hàng các bước thực hiện đạt điều kiện theo chương trình AIPP, không phải đảm bảo việc làm hay giới thiệu việc làm cụ thể. Bị đơn không trực tiếp tuyển dụng, không môi giới, không ký hợp đồng lao động thay mặt nhà tuyển dụng, không hưởng phí từ nhà tuyển dụng. Không có mục tiêu sinh lợi riêng từ "việc làm" mà chỉ là hỗ trợ điều kiện định cư. Không có giá trị lợi nhuận trực tiếp từ việc môi giới việc làm. Không có quy trình giới thiệu, ký hợp đồng lao động, hoặc tuyển dụng nhân sự như định nghĩa tại Luật Việc làm 2013.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có nộp cho Hội đồng xét xử văn bản tranh luận đề ngày 25 tháng 4 năm 2025.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày việc nguyên đơn cho rằng hợp đồng dịch vụ tư vấn không có đủ điều kiện theo quy định pháp luật là không đúng, hợp đồng đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự: Về năng lực chủ thể, tại phiên tòa, nguyên đơn đã thừa nhận ông D có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, về phía bị đơn có người đại diện hợp pháp bà Bàn Thị Thiên Nga là người đại diện theo pháp luật của bị đơn, vì vậy bà Nga hoàn toàn có đủ thẩm quyền để tham gia ký kết các hợp đồng thuộc phạm vi kinh doanh của Công ty, doanh nghiệp bị đơn được thành lập theo Điều 7 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký ngành, nghề kinh doanh theo quy định tại Điều 7 Nghị định số: 01/2021/NĐ-CP với mã ngành 6619 – Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Căn cứ Quyết định Số: 27/2018/QĐ-TTg ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam quy định như sau: "619-66190: Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Nhóm này gồm: Các hoạt động trợ giúp cho trung gian tài chính chưa được phân vào đâu: Các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính, bao gồm giao dịch thẻ tín dụng; Hoạt động tư vấn đầu tư; Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp. Nhóm này cũng gồm: Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng". Thông qua Hợp đồng, nguyên đơn uỷ thác cho Công ty E và Công ty bằng kinh nghiệm và trình độ chuyên môn về Tiếng anh của mình tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ anh Dũng đáp ứng các điều kiện của Chính Phủ Canada. Dịch vụ của Công ty E cung cấp cho nguyên đơn là dịch vụ: tư vấn, hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ nhằm hỗ trợ khách hàng đáp ứng các điều kiện theo chương trình cho phép người nước ngoài đến Canada định cư. Bị đơn có trụ sở chính hoạt động tại địa chỉ: Tầng 11, Citilight Tower, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty E đã tiến hành đăng ký địa chỉ trụ sở chính với cơ quan đăng ký kinh doanh và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận. Công ty E hoạt động kinh doanh và thực hiện việc liên lạc, giao dịch của Công ty với các bên có liên quan tại trụ sở. Công ty E đã nộp bản sao y chứng thực Hợp đồng thuê văn phòng số 39/HĐ-QLVP ngày 15/11/2021; bản sao y chứng thực Phụ lục số 1 số 39/HĐ-QLVP ngày 02/10/2023 cho Tòa án. Khoản 34 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: "Vốn điều lệ là tổng giá trị tài sản do các thành viên công ty, chủ sở hữu công ty đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần". Hiện, Công ty E có vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng. Vốn điều lệ có ý nghĩa rất quan trọng: thể hiện năng lực tài chính ban đầu của công ty và mức độ cam kết của thành viên là chủ sở hữu Công ty đối với hoạt động kinh doanh của Công ty E.

Vốn điều lệ cũng là một yếu tố quan trọng trong việc đánh giá giá trị của Công ty E. Công ty E do bà Bàn Thị Thiên Nga là đại diện theo pháp luật. Bà Nga là người trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty. Bà Nga có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực quản lý, tài chính; có trình độ ngoại ngữ, có kinh nghiệm - kiến thức - quan hệ liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh được tích luỹ qua nhiều năm. Về ý chí tự nguyện của các bên: ông Nguyễn Đức Hùng D và Công ty E giao kết hợp đồng dựa trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, không có bất kỳ sự bắt buộc hay cưỡng ép nào từ phía Công ty E. Về mục đích và nội dung của Hợp đồng: Tất cả nội dung công việc được quy định tại Điều 2 của Hợp đồng đều không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Về hình thức hợp đồng: Hợp đồng dịch vụ được lập thành văn bản và có chữ ký của cả hai bên là ông D và đại diện theo pháp luật Công ty E - bà Bàn Thị Thiên Nga. Như vậy, Hợp đồng dịch vụ số 04122020/AIPP ngày 04 tháng 12 năm 2020 đáp ứng đầy đủ toàn bộ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự được quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 5.1.1 của hợp đồng, nguyên đơn cho rằng việc trả lại tiền là do giao dịch dân sự vô hiệu, không phải là do vi phạm hợp đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lời khai mang tính chủ quan của nguyên đơn. Trước khi ký kết hợp đồng, vào ngày 24 tháng 11 năm 2020, nguyên đơn đã bày tỏ rõ ý kiến của mình trong một cuộc trao đổi: "Việc nào em làm cũng được, chỉ sợ không có việc thôi" (trang 8 Vi bằng). Khi Công ty E đề xuất một công việc phát triển phần mềm IT, nguyên đơn đã trả lời rằng: "Dạ, phát triển phần mềm em chịu" (nghĩa là không thể làm được). Như vậy, bị đơn không hề có bất kỳ cam kết hay hứa hẹn nào về việc sẽ tìm được thông tin công việc IT như nguyên đơn đã trình bày. Nguyên đơn cũng không đưa ra được bất kỳ tài liệu chứng cứ nào để chứng minh bị đơn hứa hẹn có thể tìm được một công việc đúng chuyên môn công nghệ thông tin nguyên đơn đang làm. Thậm chí nguyên đơn còn đề xuất Công ty E cung cấp thông tin việc làm liên quan đến lao động chân tay "Dạ có mấy Job lao động tay chân nhiều hơn nên chứng minh cũng dễ hơn 1 chút" (trang 9 Vi bằng). Nguyên đơn cho rằng bị đơn không được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp phép. Căn cứ Điều 7 Nghị định số: 01/2021, Điều 40 Luật việc làm năm 2013, nguyên đơn cần phải hiểu rằng hợp đồng không mô tả đúng như những gì luật đang quy định.

Ngoài ra, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến về thủ tục tố tụng như sau: Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 06 tháng 12 năm 2024 được thể hiện tại biên bản của Tòa án, bị đơn có mặt trong khi nguyên đơn vắng mặt. Tại phiên tòa vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 26 tháng 3 năm 2025, nguyên

đơn cũng vắng mặt tại phiên tòa và được thể hiện trong Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Tòa án. Do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án với lý do nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Bị đơn trình bày ý kiến tranh luận bổ sung khẳng định bị đơn hoàn toàn không cung cấp dịch vụ việc làm hay đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Do đó, hoàn toàn không có đủ cơ sở để cho rằng hợp đồng bị vô hiệu theo yêu cầu của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết nội dung vụ án, sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 có cơ sở xác định Hợp đồng dịch vụ tư vấn số: 04122020/AIPP vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật. Trong quá trình giao kết Hợp đồng, nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận việc đã thanh toán số tiền đợt 1 tổng cộng là 696.600.000 đồng. Căn cứ Điều 131 Bộ luật Dân sự, nguyên đơn có quyền yêu cầu hoàn trả tiền về giải quyết giao dịch dân sự vô hiệu. Căn cứ Điều 117, 122, 131 Bộ luật Dân sự, Điều 14 Bộ luật Lao động, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tuyên bố Hợp đồng dịch vụ tư vấn số: 04122020/AIPP được thỏa thuận ký kết ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa nguyên đơn và bị đơn là vô hiệu toàn bộ; Buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 696.600.000 đồng; Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Đức Hùng D khởi kiện tranh chấp về hợp đồng dịch vụ với bị đơn Công ty TNHH Tư vấn đầu tư định cư toàn cầu E có địa chỉ trụ sở chính tại: Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Căn cứ Giấy ủy quyền số chứng thực 99, quyển số: 04-SCT/CK, CĐ lập ngày 10/6/2022 tại Văn phòng Công chứng Hoàng Long, tỉnh Đồng Nai của nguyên đơn uỷ quyền cho ông Lê Văn C, ông Lưu Trần S; Giấy ủy quyền ngày 25 tháng 7 năm 2022 của bị đơn uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Thu Hoài, bà Ngô Thị Lại. Việc các đương sự ủy quyền thay mặt họ tham gia tố tụng để thực hiện

quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[5] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, có cơ sở xác định: Ngày 04 tháng 12 năm 2020, nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng dịch vụ tư vấn số: 04122020/AIPP và Phụ lục hợp đồng số: 04122020/AIPP. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thanh toán Đợt 1 cho bị đơn số tiền 696.600.000 đồng. Điều 2 của Hợp đồng dịch vụ tư vấn số: 04122020/AIPP ngày 04 tháng 12 năm 2020 về phạm vi công việc: Bị đơn chịu trách nhiệm làm việc chặt chẽ, kết hợp với các đối tác/Luật sư/Những chuyên gia tư vấn ở nước ngoài nhằm cung cấp chính các tất cả các thông tin có liên quan đến chương trình, bị đơn sẽ tư vấn và hướng dẫn nguyên đơn chuẩn bị các thủ tục và dịch vụ cần thiết theo các tiêu chuẩn tuyển chọn của chính phủ Canada đối với hồ sơ tham gia chương trình thí điểm định cư Đại Tây Dương (Atlantic Immigration Pilot Program) – AIPP tại Canada. Mô tả công việc gồm 5 giai đoạn: 1/ Thủ tục xin thị thực định cư Canada theo chương trình AIPP. 2/ Bị đơn đại diện cho nguyên đơn liên lạc với các đối tác/Luật sư/Những chuyên gia tư vấn ở nước ngoài tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của Luật Di trú Canada. 3/ Thực hiện thủ tục xin Giấy xác nhận chỉ định từ Tỉnh bang (Confirmation of Designation). 4/ Thực hiện thủ tục xin Giấy chứng thực từ Tỉnh bang. 5/ Tìm kiếm Nhà tuyển dụng. Điều 1 của Hợp đồng dịch vụ tư vấn số: 04122020/AIPP ngày 04 tháng 12 năm 2020 về giải thích từ ngữ đối với các từ ngữ: AIPP, các đối tác/Luật sư/Những chuyên gia tư vấn ở nước ngoài, Nhà tuyển dụng, Giấy xác nhận chỉ định từ Tỉnh bang, cụ thể như sau: AIPP (Atlantic Immigration Pilot Program) là "chương trình thí điểm định cư Đại Tây Dương nhằm tạo điều kiện cho công dân quốc tế, đặc biệt là đối tượng lao động tay nghề có cơ hội định cư được áp dụng tại 4 Tỉnh bang thuộc vùng Atlantic gồm New Brunswick, Nova Scotia, Newfoundland and Labrador, Prince Edward Island"; Các đối tác/Luật sư/Những chuyên gia tư vấn ở nước ngoài "là các công ty luật, những nhà tư vấn ở nước ngoài là thành viên trực thuộc Hiệp hội quản lý luật sư và các tư vấn viên hoạt động về di trú thuộc Chính phủ Canada (viết tắt: ICCRC); Nhà tuyển dụng là "Nhà tuyển dụng Canada được phép tuyển dụng lao động nước ngoài hợp pháp theo quy định của Bộ Lao động và Phát triển xã hội Canada (Employment and Social Development Canada – ESDC); Giấy xác nhận

chỉ định từ Tỉnh bang là "giấy xác nhận do Tỉnh bang cấp cho Nhà tuyển dụng cho phép tuyển dụng lao động nước ngoài".

[6] Tại Vi bằng số: 4830/2022/VB-TPLQ8 ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Văn phòng Thừa phát lại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh do bị đơn cung cấp thể hiện bị đơn đã thực hiện Hợp đồng dịch vụ tư vấn số: 04122020/AIPP ngày 04 tháng 12 năm 2020 bằng hình thức bị đơn tìm "việc làm được chỉ định" cho nguyên đơn, cụ thể: Ngày 03 tháng 12 năm 2020, bị đơn tư vấn cho nguyên đơn công việc "Vị trí: Customer Service Manager; Lương: $12 - $13/h; Location: thành phố Dalhouise, New Brunswick; Phí: 110K USD; Hồ sơ theo chương trình AIPP, có PR cho cả gia đình" (Trang 9 của Vi bằng số: 4830). Ngày 22 tháng 4 năm 2021, bị đơn tư vấn cho nguyên đơn công việc "Vị trí: Retail Store Supervisor – NOC 6211; Nơi làm việc: Tỉnh bang Saskatchewan" (Trang 17 của Vi bằng số: 4830). Ngày 22 tháng 6 năm 2021, bị đơn tư vấn cho nguyên đơn công việc "Lao động nông trường (General Farm Worker): Sản phẩm Việt quốc; Địa điểm làm việc: Maple Ridge, Tỉnh British Columbia, Canada; Mức lương cơ bản: $15.20 CAD/giờ (~ 280.000 – 285.000 VNĐ) Trung bình $2.430 CAD/Tháng (~ 45.000.000 VNĐ)" và công việc "Lao động nông trường (General Farm Worker): Sản phẩm cây công nghiệp; Địa điểm làm việc: Thành phố Whitchorse, Tỉnh Yukon, Canada; Mức lương cơ bản: $13.85 CAD/giờ (~ 265.000 VNĐ) Trung bình $2.400 CAD/Tháng (~ 46.000.000 VNĐ)" (Trang 12, 13, 14 của Vi bằng số: 4830). Tại Bản khai ngày 14 tháng 7 năm 2023 và Biên bản hòa giải ngày 06 tháng 12 năm 2024, người đại diện hợp pháp của bị đơn xác định bị đơn đã tư vấn về "việc làm được chỉ định" cho nguyên đơn. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn xác định toàn bộ những hình ảnh, tin nhắn, cuộc gọi qua ứng dụng Zalo giữa nguyên đơn và bị đơn tại Vi bằng số: 4830/2022/VB-TPLQ8 là đúng sự thật.

[7] Qua đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị đơn đã thực hiện dịch vụ tư vấn việc làm theo quy định tại khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 40 của Luật Việc làm năm 2013, cụ thể là tư vấn cho người lao động lựa chọn công việc phù hợp với khả năng và nguyện vọng, tìm việc làm trong và ngoài nước thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Nghị định số: 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng bị đơn không thực hiện dịch vụ tư vấn việc làm cho nguyên đơn là không có cơ sở. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng ngành nghề kinh doanh chính của bị đơn đã đăng ký và hoạt động là mã ngành 6619 – Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu, việc bị đơn liên hệ với các đối tác/chuyên gia là nhằm mục đích hỗ trợ nguyên đơn đầu tư dòng tiền của nguyên đơn vào

định cư tại Canada, nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh vào thời điểm bị đơn ký Hợp đồng dịch vụ với nguyên đơn là để nguyên đơn đầu tư vào việc định cư tại Canada, cụ thể là đầu tư vào lĩnh vực nào, hình thức đầu tư là gì, vốn đầu tư là bao nhiêu theo đúng quy định của Luật Đầu tư năm 2014.

[8] Tại Phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp ngày 05 tháng 01 năm 2024 kèm Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) thể hiện: Ngoài mã ngành chính là 6619 như đã nêu trên, bị đơn còn đăng ký mã ngành, nghề kinh doanh 7810: Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ cho thuê lại lao động). Như vậy, có cơ sở xác định bị đơn là doanh nghiệp có chức năng hoạt động dịch vụ việc làm, thuộc trường hợp phải có giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm do cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 39 của Luật Việc làm năm 2013; Điều 2, Điều 3, Điều 6 và Điều 7 của Nghị định số: 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm. Tuy nhiên, tại Công văn số: 4219/SLĐTBXH-VLATLĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ xác định không có dữ liệu về cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của Công ty TNHH Tư vấn đầu tư định cư toàn cầu E, địa chỉ: Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, xét về năng lực chủ thể tham gia giao dịch dân sự, bị đơn chưa đáp ứng đủ điều kiện phù hợp để xác lập dịch vụ tư vấn việc làm cho nguyên đơn dưới hình thức ký Hợp đồng dịch vụ tư vấn số: 04122020/AIPP ngày 04 tháng 12 năm 2020, thuộc trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 117, Điều 122, Điều 407 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu tuyên Hợp đồng dịch vụ tư vấn số: 04122020/AIPP, Phụ lục hợp đồng số: 04122020/AIPP ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa ông Nguyễn Đức Hùng D và Công ty TNHH Tư vấn đầu tư định cư toàn cầu E vô hiệu toàn bộ.

[10] Lỗi hỗn hợp: Tại thời điểm ký Hợp đồng dịch vụ tư vấn số: 04122020/AIPP, Phụ lục hợp đồng số: 04122020/AIPP ngày 04 tháng 12 năm 2020, nguyên đơn có lỗi do đã không tìm hiểu kỹ thông tin pháp lý của bị đơn về hoạt động dịch vụ việc làm; Bị đơn có lỗi vì đã giao kết hợp đồng dịch vụ với

nguyên đơn trong khi bị đơn chưa được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm.

[11] Về hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu: Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự đã được Tòa án giải thích về việc giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu, tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn hoàn trả lại số tiền bị đơn đã nhận là 696.600.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu về bồi thường thiệt hại. Bị đơn không yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại. Căn cứ Điều 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015, giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập, các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 696.600.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Bị đơn có ý kiến đối với khối lượng công việc mà bị đơn đã thực hiện cho nguyên đơn thì vấn đề đặt ra là sẽ giải quyết như thế nào, Hội đồng xét xử đề nghị bị đơn phải tính toán được cụ thể giá trị khối lượng công việc mà bị đơn đã làm cho nguyên đơn, đồng thời đề nghị bị đơn cung cấp các hóa đơn, chứng từ thể hiện các chi phí mà bị đơn đã bỏ ra để thực hiện công việc cho nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn không tính toán được chi phí và cũng không cung cấp hóa đơn, chứng từ, do đó, Hội đồng xét xử chưa có cơ sở xác định rõ nguyên đơn đã nhận của bị đơn những gì để xem xét buộc nguyên đơn hoàn trả cho bị đơn. Trong vụ án này, các bên đương sự đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết phần bồi thường thiệt hại phát sinh do Hợp đồng dịch vụ tư vấn số: 04122020/AIPP, Phụ lục Hợp đồng số: 04122020/AIPP ngày 04 tháng 12 năm 2020 vô hiệu, do đó, trường hợp các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định pháp luật.

[12] Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải ngày 06 tháng 12 năm 2024 ghi nhận nguyên đơn vắng mặt. Tại phiên tòa sơ thẩm vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 26 tháng 3 năm 2025, nguyên đơn vắng mặt lần thứ nhất. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nếu có người vắng mặt thì Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp người đó có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Mặt khác, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin hoãn phiên tòa đề ngày 24 tháng 3 năm 2025 gửi qua dịch vụ bưu chính, dấu bưu điện gửi ngày 24 tháng 3 năm 2025 và thực tế Tòa án đã nhận được đơn này, do đó, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án với lý do nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt theo điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự là không có cơ sở.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 là có cơ sở.

[14] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng đối với yêu cầu tuyên giao dịch dân sự vô hiệu và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tính trên số tiền 696.600.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, điểm a khoản 1 Điều 117, Điều 122, Điều 131, Điều 407 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 14 của Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 1 Điều 36, Điều 39, khoản 1 Điều 40 của Luật Việc làm năm 2013; Điều 2, Điều 3, Điều 6 và Điều 7 của Nghị định số: 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm; điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức Hùng D.

Tuyên Hợp đồng dịch vụ tư vấn số: 04122020/AIPP, Phụ lục hợp đồng số: 04122020/AIPP ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa ông Nguyễn Đức Hùng D và Công ty TNHH Tư vấn đầu tư định cư toàn cầu E vô hiệu toàn bộ.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Tư vấn đầu tư định cư toàn cầu E có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Đức Hùng D số tiền 696.600.000 đồng (Sáu trăm chín mươi sáu triệu, sáu trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư định cư toàn cầu E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng và 31.864.000 (Ba mươi mốt triệu, tám trăm sáu mươi bốn ngàn) đồng.

Ông Nguyễn Đức Hùng D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Đức Hùng D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.932.000 (Mười lăm triệu, chín trăm ba mươi hai ngàn) đồng theo biên lai thu số: AA/2021/0006053 ngày 04 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, TP.HCM
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Kim Huệ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đinh Kim Huệ